

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27/6/2024; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 08/2024/L-CTN ngày 02/7/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14, Pháp lệnh Động viên công nghiệp số 09/2003/PL-UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP¹

1. Cơ sở chính trị

a) Công nghiệp quốc phòng (CNQP), Công nghiệp an ninh (CNAN) và Động viên công nghiệp (ĐVCN) luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và phát triển; các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng được thể hiện trong các văn kiện chính trị như:

- Nghị quyết Đại hội VII của Đảng xác định xây dựng CNQP phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị, đáp ứng yêu cầu ĐVCN khi tình thế đòi hỏi; yêu cầu cần sớm có hệ thống văn bản pháp quy Nhà nước và cơ chế chuẩn bị ĐVCN trong điều kiện kinh tế thị trường. Nghị quyết Đại hội XI, XII, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng định hướng “Xây dựng, phát triển CNQP, CNAN hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ”. Đồng thời, các Nghị quyết đã đề ra các giải pháp cho phát triển CNQP, AN: “Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc”, “Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh và liên quan đến

¹ Tờ trình số 148/TTr-CP ngày 03/9/2023 của Chính phủ về dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

quốc phòng, an ninh phù hợp với hội nhập quốc tế và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã khẳng định cần ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, tạo nền tảng cho CNQP, AN.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định: *“Phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia”*; đồng thời, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 nhấn mạnh *“Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù”, “Thế chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng, hiện đại”, “Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, đầu tư nguồn lực hỗ trợ các cơ sở dân sinh phục vụ CNQP, CNAN. Cơ cấu lại các cơ sở CNQP, hình thành các cơ sở CNAN bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng, hiện đại”.*

- Kết luận số 25-TB/TW ngày 11/4/2017 của Bộ Chính trị về Đề án *“Đẩy mạnh phát triển CNQP, AN đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* xác định phát triển CNQP, AN cần phải đặt trong tổng thể phát triển công nghiệp quốc gia, đồng ý với quan điểm những gì công nghiệp quốc gia và CNQP đã làm được thì CNAN không làm nữa, tránh đầu tư trùng lặp.

b) Ngoài ra, để phù hợp với đặc thù của CNQP, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề như:

Nghị quyết số 05/BCT ngày 20/7/1993; Nghị quyết số 27/BCT ngày 16/6/2003; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 về xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về chiến lược Quốc phòng Việt Nam: Đã xác định những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, giải pháp phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước; trong đó định hướng xây dựng và phát triển CNQP là nhiệm vụ cơ bản vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; là ngành đặc thù, được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển; phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành dài hạn, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chiến lược và

quyết tâm bảo vệ Tổ quốc; có hệ thống tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại; coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học công nghệ (KH-CN); nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu để tạo nguồn lực tái đầu tư cho CNQP. Nghị quyết cũng đề ra sách lược ĐVCN và huy động công nghiệp dân sinh trong phát triển CNQP là huy động sự tham gia tích cực, đầy đủ của công nghiệp quốc gia trong các khâu, các bước của CNQP, nhất là việc huy động đội ngũ cán bộ KH-CN và các cơ sở công nghiệp dân sinh sản xuất các nguyên, vật liệu chính cho CNQP; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp then chốt của quốc gia để tham gia sâu, thiết thực hơn vào hoạt động CNQP.

c) Bên cạnh đó, định hướng về xây dựng và phát triển CNAN còn được đề cập đến trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, gồm:

Kết luận số 142-TB/TW ngày 08/8/2013 của Bộ Chính trị về Đề án “Chiến lược phát triển công nghiệp an ninh giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030” đã chỉ rõ phải gắn kết CNAN với công nghiệp quốc gia, CNQP, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tránh trùng lắp, lãng phí. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược An ninh mạng quốc gia” chỉ rõ yêu cầu xây dựng và phát triển CNAN mạng tự chủ, sáng tạo, hoàn thành phát triển CNAN mạng Việt Nam. Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia” đã định hướng hợp tác với các nước có CNAN tiên tiến; liên doanh, liên kết sản xuất các trang thiết bị đặc chủng, chuyên dụng; phát triển CNAN có trọng tâm, trọng điểm; quy hoạch xây dựng, hoàn chỉnh các khu CNAN trên địa bàn cả nước và ban hành quy định phát triển CNAN. Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” đã tiếp tục đề ra giải pháp về chú trọng đầu tư nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu; xây dựng, phát triển CNAN theo hướng lưỡng dụng, có chiều sâu, ngày càng hiện đại, tự chủ, có trình độ khoa học và công nghệ cao.

2. Cơ sở pháp lý

Hiện nay, cơ sở pháp lý chung điều chỉnh lĩnh vực CNQP, CNAN và ĐVCN cao nhất là Hiến pháp 2013 (Điều 14, Điều 68), Luật Quốc phòng 2018, Luật Công an nhân dân và các Luật chuyên ngành khác. Cơ sở pháp lý trực tiếp điều chỉnh lĩnh vực CNQP là Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008, điều chỉnh lĩnh vực ĐVCN là Pháp lệnh Động viên công nghiệp năm 2003, điều chỉnh lĩnh vực CNAN là Nghị định số 63/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Tuy nhiên, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào tầm Luật điều chỉnh trực tiếp về CNQP, AN và ĐVCN để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, nhất là luật hóa các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển CNQP, AN; đồng thời, để thống nhất với các Luật ban hành trong thời gian qua quy định về vấn đề này như: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quy hoạch, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, ... do đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng Luật để điều chỉnh những quy định về CNQP, AN và ĐVCN đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

3. Cơ sở thực tiễn

a) Qua tổng kết thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp và Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng trên phạm vi toàn quốc cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, đến nay việc thực thi các Pháp lệnh về CNQP, ĐVCN đã xuất hiện nhiều vướng mắc, bất cập như:

- Việc thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về CNQP và ĐVCN của Bộ Quốc phòng chưa phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả; công tác lập Quy hoạch, Kế hoạch phát triển CNQP có bước đổi mới, nhưng tính thực tiễn, hiệu quả còn chưa cao. Chức năng, nhiệm vụ các khối: Đặt hàng - giao nhiệm vụ; nghiên cứu, sản xuất - sửa chữa; khai thác sử dụng chưa được phân định rõ. Hệ thống các cơ sở CNQP tuy nhiều về số lượng (*79 cơ sở CNQP nông cốt, 37 cơ sở công nghiệp động viên*) nhưng phần lớn có quy mô nhỏ, tính quy tụ về công nghệ, sản phẩm chưa cao. Sự gắn kết giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sản xuất với sửa chữa chưa chặt chẽ. Chuyển đổi hoạt động của các Viện nghiên cứu sang mô hình tự chủ về tài chính còn vướng mắc.

- Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách đặc thù ưu tiên nguồn lực cho xây dựng và phát triển CNQP; chưa có chính sách hiệu quả để thúc đẩy KHCN trở thành động lực cho phát triển CNQP; các chính sách về đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, huy động và đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, hiệu quả chưa cao. Việc áp dụng Luật Sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mới vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ còn lúng túng. Thiếu các quy định đặc thù trong mua sắm vật tư kỹ thuật (*vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc chuyên dụng*) phục vụ cho nhiệm vụ CNQP (*do những sản phẩm này thường là các sản phẩm đặc thù, được nước ngoài bảo mật và quản lý chặt chẽ, nhiều trường hợp không thực hiện được theo Luật Đấu thầu và các quy định về nhập khẩu hàng hóa*).

- Chưa có cơ chế phát huy vai trò chủ lực của các cơ sở CNQP nông cốt để kết hợp chặt chẽ với công nghiệp dân sinh trong ĐVCN; chưa khai thác thế mạnh của từng vùng, từng địa phương để thực hiện ĐVCN gắn với thế bố trí

tác chiến lược và khu vực phòng thủ. Cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất quốc phòng, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN chưa đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Đối tượng doanh nghiệp và lĩnh vực công nghệ được ĐVCN còn hẹp, chưa phù hợp với xu thế hội nhập thế giới để tiếp cận tích cực hơn nữa nguồn lực công nghiệp của các thành phần kinh tế (*trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*); lĩnh vực còn bó hẹp chỉ gồm cơ khí, luyện kim, hoá chất và điện tử. Sự thu hút, tạo động lực để huy động và tận dụng năng lực sẵn có của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang nhân dân, các thành phần kinh tế dân sinh tham gia sản xuất quốc phòng, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN còn hạn chế; cơ chế ưu tiên sử dụng các sản phẩm do CNQP sản xuất chưa được hoàn thiện (*thiếu văn bản quy định hướng dẫn thực hiện cụ thể dẫn đến chưa áp dụng hiệu quả trong thực tiễn*). Mức độ tham gia phát triển kinh tế đất nước của CNQP chưa tương xứng tiềm năng.

- Hợp tác quốc tế về CNQP chủ yếu vẫn diễn ra một chiều, phần lớn là nhập khẩu vũ khí trang bị kỹ thuật từ các nước; sản phẩm CNQP chưa thâm nhập sâu rộng vào thị trường xuất khẩu vũ khí. Hoạt động xuất khẩu vũ khí trang bị quân sự và xúc tiến thương mại quân sự chưa được quy định trong Pháp lệnh. Sản phẩm quốc phòng xuất khẩu, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp CNQP còn hạn chế.

b) Kết quả tổng kết quá trình xây dựng và phát triển CNAN từ Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay đã chỉ ra nhiều vướng mắc, bất cập như:

- Việc thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về CNAN của Bộ Công an chưa tập trung và còn phân tán ở nhiều đầu mối cơ quan trực thuộc; thẩm quyền, trách nhiệm, phân cấp, phân quyền trong xây dựng, phát triển CNAN chưa đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Hệ thống cơ sở CNAN chủ yếu là đơn vị sự nghiệp công lập (*09 doanh nghiệp, 58 cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất*) lại bố trí phân tán, chưa hình thành hệ thống độc lập. Khả năng tự chủ tài chính của một số cơ sở nghiên cứu còn thấp ảnh hưởng đến chuyển đổi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ về tài chính.

- Kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho CNAN còn hạn hẹp; việc huy động các nguồn lực để đầu tư cho CNAN có nhiều hạn chế; nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn thấp. Nhiều dây chuyền sản xuất của cơ sở CNAN đã dần lạc hậu, xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ, dẫn đến năng lực sản xuất của các doanh nghiệp an ninh hạn chế, sản phẩm CNAN có chất lượng chưa cao, chưa đồng đều, thiếu tính cạnh tranh, dẫn đến tỷ lệ cung ứng sản phẩm CNAN thấp.

- CNAN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế được giao:

việc nghiên cứu, chế tạo, sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đặt ra; trình độ kỹ thuật, công nghệ còn yếu; nguồn nhân lực CNAN thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, đặc biệt chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhà khoa học kỹ thuật đầu ngành, chuyên gia quản trị doanh nghiệp và công nhân lành nghề có trình độ, kinh nghiệm kỹ thuật, tay nghề cao. Công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm chưa hiệu quả, chưa sản xuất, nghiên cứu được sản phẩm yêu cầu công nghệ, kỹ thuật cao.

- Hoạt động xúc tiến thương mại, xuất nhập khẩu sản phẩm CNAN có nhiều hạn chế, bất cập tương đồng như CNQP.

c) Từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới những năm gần đây, dự báo chiến tranh trong tương lai và yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới

Thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới những năm qua và dự báo trong tương lai cho thấy, ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin; tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chịu sự tác động mạnh của xung đột quân sự Nga - Ucraina. Chi tiêu quốc phòng toàn cầu tăng cao nhất trong lịch sử, nhiều loại vũ khí mới ra đời, trong đó vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, tấn công an ninh mạng được sử dụng là chủ yếu; đồng thời, phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến.... để tiến hành chiến tranh rất đa dạng. Tình hình an ninh phi truyền thống, tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao và những hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng ngày càng gia tăng...; các thế lực thù địch triệt để sử dụng môi trường không gian mạng để tiến hành các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia, tuyên truyền chống chế độ, kích động biểu tình, bạo loạn, thực hiện “cách mạng màu”, “cách mạng đường phố” đối với nước ta....

Trước tình hình đó đòi hỏi phải xây dựng tiềm lực CNQP, AN tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng, quy hoạch sắp xếp các cơ sở CNQP, AN phù hợp với thế trận phòng thủ chiến lược, đáp ứng yêu cầu đảm bảo tại chỗ cho các lực lượng khi có tình huống xảy ra; thực hiện ĐVCN rộng khắp để chủ động ngăn ngừa từ sớm, từ xa, đẩy lùi và sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đủ nội lực đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược, bảo vệ an ninh quốc gia.

Từ các lý do nêu trên, việc xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp là rất cần thiết, nhằm thể chế đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, hoàn thiện hành lang pháp lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ CNQP, CNAN và ĐVCN trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (*sau đây viết tắt là Luật năm 2024*) gồm 07 chương, 86 điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung: Gồm 08 điều (*từ Điều 1 đến Điều 08*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Áp dụng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và pháp luật có liên quan; (4) Vị trí, nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp; (5) Nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (6) Chính sách của Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (7) Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh; (8) Các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Công nghiệp quốc phòng, an ninh: Gồm 07 mục:

- **Mục 1: Quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh:** Gồm 04 điều (*từ Điều 09 đến Điều 12*), quy định về: (1) Nguyên tắc lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh; (2) Căn cứ lập quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh; (3) Nội dung quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh; (4) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh.

- **Mục 2: Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh:** Gồm 07 điều (*từ Điều 13 đến Điều 19*), quy định về: (1) Yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh; (2) Nội dung quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh; (3) Giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở công nghiệp an ninh do Bộ Công an quản lý; (4) Đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở công nghiệp an ninh do Bộ Công an quản lý; (5) Đấu thầu sản xuất, cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở công nghiệp an ninh do Bộ Công an quản lý; (6) Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp; (7) Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với cơ sở huy động.

- **Mục 3: Nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh:** Gồm 04 điều (*từ Điều 20 đến Điều 27*), quy định về: (1) Nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh; (2) Quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh; (3) Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (4) Hoạt động đầu tư, sản xuất phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (5) Hoạt động khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (6) Nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (7) Dự trữ vật tư kỹ thuật công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh; (8) Đất sử dụng cho công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- **Mục 4: Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng:** Gồm 05 điều (từ Điều 28 đến Điều 32), quy định về: (1) Phát triển công nghệ lưỡng dụng; (2) Lĩnh vực tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh đối với cơ sở huy động; (3) Điều kiện, hình thức tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động; (4) Quyền và nghĩa vụ của cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh; (5) Quyền và nghĩa vụ của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt tham gia sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh.

- **Mục 5: Tổ chức và hoạt động công nghiệp quốc phòng:** Gồm 05 điều (từ Điều 33 đến Điều 37), quy định về: (1) Hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng; (2) Tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; (3) Hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; (4) Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở công nghiệp quốc phòng khác; (5) Hoạt động của cơ sở công nghiệp động viên.

- **Mục 6: Tổ chức và hoạt động công nghiệp an ninh:** Gồm 04 điều (từ Điều 38 đến Điều 41), quy định về: (1) Hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh; (2) Tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; (3) Hoạt động của cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; (4) Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở công nghiệp an ninh khác.

- **Mục 7: Tổ hợp công nghiệp quốc phòng:** Gồm 04 điều (từ Điều 42 đến Điều 45), quy định về: (1) Chức năng, nhiệm vụ, thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (2) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (3) Thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (4) Chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Chương III. Động viên công nghiệp: Gồm 03 mục:

- **Mục 1: Chuẩn bị động viên công nghiệp,** gồm 09 điều (từ Điều 46 đến Điều 54), quy định về: (1) Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp; (2) Đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp; (3) Kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp; (4) Kế hoạch động viên công nghiệp các cấp; (5) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu trong chuẩn bị động viên công nghiệp; (6) Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp; (7) Quản lý, duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp; (8) Diễn tập động viên công nghiệp; (9) Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong chuẩn bị động viên công nghiệp.

- **Mục 2: Thực hành động viên công nghiệp**, gồm 03 điều (từ Điều 55 đến Điều 57), quy định về: (1) Quyết định động viên công nghiệp; (2) Tổ chức di chuyển địa điểm đối với cơ sở công nghiệp động viên; (3) Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp động viên trong thực hành động viên công nghiệp.

- **Mục 3: Ngân sách bảo đảm và dự trữ vật tư cho động viên công nghiệp**, gồm 03 điều (từ Điều 58 đến Điều 60), quy định về: (1) Ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp; (2) Nhiệm vụ chi cho động viên công nghiệp; (3) Dự trữ vật tư cho động viên công nghiệp.

4. Chương IV. Chế độ, chính sách trong động viên công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp: Gồm 03 mục:

- **Mục 1: Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh, cơ sở công nghiệp động viên**, gồm 04 điều (từ Điều 61 đến Điều 64), quy định về: (1) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (2) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng khác, cơ sở công nghiệp an ninh khác; (3) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt nghiên cứu, sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (4) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp động viên trong chuẩn bị, thực hành và kết thúc thực hành động viên công nghiệp.

- **Mục 2: Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt, cơ sở công nghiệp động viên**, gồm 03 điều (từ Điều 65 đến Điều 67), quy định về: (1) Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (2) Chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (3) Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

- **Mục 3: Chính sách đối với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh**, gồm 02 điều (từ Điều 68 đến Điều 69), quy định về: (1) Chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (2) Chính sách phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt.

5. Chương V. Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh: Gồm 06 điều (từ Điều 70 đến Điều 76), quy định về: (1)

Yêu cầu, nội dung hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh; (2) Đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi chuyên gia phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (3) Liên doanh, liên kết trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh; (4) Nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (5) Xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (6) Hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ; (7) Hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh.

6. Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp: Gồm 07 điều (*từ Điều 77 đến Điều 83*), quy định về: (1) Quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (2) Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; (3) Trách nhiệm của Bộ Công an; (4) Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; (5) Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ; (6) Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (7) Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

7. Chương VII. Điều khoản thi hành: Gồm 07 điều (*từ Điều 84 đến Điều 86*), quy định về: (1) Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; (2) Công nghiệp an ninh; (3) Hiệu lực thi hành; (4) Quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp quy định về vị trí, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, nguồn lực, chế độ, chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Điều 2 Luật năm 2024 đã giải thích **23** từ ngữ, gồm: (1) Công nghiệp quốc phòng, an ninh; (2) Động viên công nghiệp; (3) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt; (4) Cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (5) Cơ sở huy động; (6) Cơ sở công nghiệp động viên; (7) Vũ khí trang bị kỹ thuật; (8) Vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược; (9) Vật tư kỹ thuật; (10) Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; (11) Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (12) Công nghệ lưỡng dụng; (13) Dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (14) Sản xuất quốc phòng, an ninh; (15) Sản phẩm quốc phòng, an ninh; (16) Sản phẩm động viên công nghiệp; (17) Dây chuyền động viên công nghiệp; (18) Chỉ tiêu động viên công nghiệp;

(19) Chuẩn bị động viên công nghiệp; (20) Thực hành động viên công nghiệp; (21) Công nghệ nền; (22) Công nghệ lõi; (23) Tổng công trình sư.

1.3. Áp dụng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và pháp luật có liên quan (Điều 3)

Điều 3 Luật năm 2024 quy định các nguyên tắc trong áp dụng Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp với luật khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đối với các nội dung sau đây:

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp; việc chuyển nguồn ngân sách mua sắm, sản xuất sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

+ Giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh; hình thức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu sản xuất cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh; Hội đồng thẩm định đối với dự án nhóm A; hình thức lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu đối với chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư sản xuất phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh có nội dung được xác định bí mật nhà nước độ Tối mật trở lên; đàm phán, ký kết hợp đồng tiếp nhận chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài;

+ Thẩm quyền phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; dự toán kinh phí dự phòng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, chế tạo vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt;

+ Giá vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù; thực hiện chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá đối với việc mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm đặc chủng phục vụ sản xuất quốc phòng, an ninh;

+ Miễn trách nhiệm dân sự khi thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư;

+ Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

- Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp khác với quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

1.4. Vị trí, nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp (Điều 4)

Điều 4 Luật năm 2024 quy định vị trí, nhiệm vụ của 03 lĩnh vực, cụ thể:

Thứ nhất, công nghiệp quốc phòng là thành phần của công nghiệp quốc phòng, an ninh, có các nhiệm vụ sau: (1) Thực hiện sản xuất quốc phòng; (2) Bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân, cơ yếu và các lực lượng thực thi pháp luật khác; (3) Cắt trữ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp; (4) Đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng; (5) Hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng; (6) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (7) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, công nghiệp an ninh là thành phần của công nghiệp quốc phòng, an ninh, có các nhiệm vụ sau: (1) Thực hiện sản xuất an ninh; (2) Bảo đảm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Công an nhân dân, cơ yếu và các lực lượng thực thi pháp luật khác; (3) Cắt trữ vật tư kỹ thuật cho công nghiệp an ninh; (4) Đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp an ninh; (5) Hợp tác quốc tế về công nghiệp an ninh; (6) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (7) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, động viên công nghiệp là một nhiệm vụ của động viên quốc phòng, bao gồm các hoạt động sau đây: (1) Khảo sát, lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp; (2) Đánh giá khả năng bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt và bảo đảm từ các nguồn khác để xác định nhu cầu động viên công nghiệp; (3) Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp; (4) Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu động viên công nghiệp; giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu để sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp; (5) Hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực đây

chuyên động viên công nghiệp; (6) Sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp; (7) Diễn tập động viên công nghiệp; (8) Thực hành động viên công nghiệp.

1.5. Nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Điều 5)

Điều 5 Luật năm 2024 quy định 07 nhóm nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, gồm:

- Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng vũ trang nhân dân trong mọi tình huống.

- Cơ cấu tổ chức bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, hoạt động đồng bộ, thống nhất, phù hợp với đặc thù lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Gắn kết chặt chẽ và phát huy tối đa năng lực của công nghiệp quốc phòng và công nghiệp an ninh; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh trùng lặp trong đầu tư xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

- Động viên công nghiệp được chuẩn bị và thực hiện từ thời bình; bảo đảm chủ động, kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu khi có lệnh động viên cục bộ hoặc tổng động viên và trong tình trạng chiến tranh. Động viên công nghiệp được tiến hành trên cơ sở năng lực của doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn đóng vai trò chủ đạo. Xây dựng mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên rộng khắp, đa dạng về sản phẩm, gắn kết chặt chẽ với hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt.

1.6. Chính sách của Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Điều 6)

Điều 6 Luật năm 2024 quy định các chính sách của Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, gồm:

- Ưu tiên bảo đảm ngân sách, có chính sách, cơ chế đặc thù cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Xây dựng, phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại; gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, thiết kế, chế tạo với sản xuất, sửa chữa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

- Ưu tiên nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Huy động tối đa nguồn lực của công nghiệp quốc gia, xây dựng và phát triển công trình hạ tầng phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; thu hút, đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, gắn kết chặt chẽ, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

1.7. Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh (Điều 7)

Điều 7 Luật năm 2024 quy định Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh là tổ chức phối hợp liên ngành giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức chỉ đạo, điều hành về xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban chỉ đạo Nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

1.8. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)

Điều 8 Luật năm 2024 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

- Làm lộ bí mật nhà nước về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và động viên công nghiệp.

- Huỷ hoại, cố ý làm hỏng, mua, bán, tặng cho, cho thuê, cầm cố, thế chấp, khai thác, sử dụng trái phép trang thiết bị và tài sản khác do Nhà nước giao cho cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh, cơ sở công nghiệp động viên.

- Mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và sản phẩm động viên công nghiệp.

- Chiếm đoạt, sử dụng, mua, bán và chuyển giao trái phép thông tin, tài liệu, sáng chế, quy trình và bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Cản trở, trốn tránh trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Phân biệt đối xử về giới trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

2. Công nghiệp quốc phòng, an ninh (Chương II)

2.1 Quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh (Mục 1)

Mục 1 Chương II Luật năm 2024 quy định các nội dung về quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh, gồm: nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch. Theo đó, quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh bảo đảm đồng bộ và có quy mô hợp lý, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh.

2.2. Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (Mục 2)

Trước đây, nội dung này chưa được điều chỉnh ở các văn bản Luật hoặc Nghị định (*Điều 57 Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chỉ có quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, tuy nhiên, sản phẩm, dịch vụ công không bao gồm lĩnh vực quốc phòng, an ninh*). Do đó, cần thiết phải có các quy định về hoạt động giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh tại Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp để tạo cơ sở pháp lý tương xứng nhằm triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

Với quan điểm như trên, Mục 2 Chương II Luật năm 2024 đã tập trung quy định 03 vấn đề: (1) quy định nguyên tắc trong quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh (*Điều 13*); (2) quy định thẩm quyền trong quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (*Điều 14*); (3) làm rõ trường hợp thực hiện giao nhiệm vụ,

trường hợp đặt hàng, trường hợp đấu thầu (*Điều 15, 16, 17, 18, 19*) để tạo sự minh bạch, chặt chẽ trong quá trình thực hiện; trong đó, đối với hoạt động giao nhiệm vụ, đặt hàng là kế thừa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đối với hoạt động đấu thầu, Luật dẫn chiếu sang Luật Đấu thầu với các hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

2.3. Nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh (Mục 3)

Mục 3 Chương II Luật năm 2024 quy định về nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh, gồm: (1) Nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh; (2) Quản lý nguồn lực tài chính; quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (3) Hoạt động đầu tư, sản xuất phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (4) Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (5) Nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh; (6) Dự trữ vật tư kỹ thuật công nghiệp quốc phòng, an ninh; (7) Đất sử dụng cho công nghiệp quốc phòng, an ninh, trong đó:

- Về nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh bao gồm: (1) Ngân sách nhà nước; (2) Nguồn tài chính của doanh nghiệp gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn công nghiệp quốc phòng, an ninh và các quỹ hợp pháp khác chi cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và (4) nguồn vốn hợp pháp khác.

Trong đó, có thể kể đến các nội dung đặc thù về quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh gồm: Thành lập và sử dụng Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh (*khoản 3 Điều 20, Điều 22*); ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính (*khoản 1 Điều 21*); Nhà nước bảo đảm cấp đủ vốn điều lệ ban đầu, đầu tư bổ sung và tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách nhà nước (*khoản 2 Điều 21*); trong trường hợp cấp bách, được sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ đầu tư, sản xuất sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh (*khoản 3 Điều 21*); sử dụng lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt để trích lập Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh và hỗ trợ nghiên cứu, chế tạo, sản xuất sản phẩm mới, công nghệ cao và bù đắp chi phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu (*khoản 4 Điều 21*); ngân sách mua sắm, sản xuất sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt nếu chưa sử dụng hết thì được phép chuyển nguồn đến khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc kết thúc nhiệm vụ (*khoản 5 Điều 21*).

- Về hoạt động đầu tư trong công nghiệp quốc phòng, an ninh (*Điều 23*): Đây hoạt động có nhiều điểm đặc thù (*như: Phải đảm bảo bí mật nhà nước, có những dự án cần triển khai khẩn cấp để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhiều dự án có hàm lượng kỹ thuật - công nghệ phức tạp, phải thực hiện tiếp*

nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài,...), việc áp dụng các quy định hiện nay gây nhiều khó khăn, vướng mắc, do đó, Luật năm 2024 đã quy định:

+ Các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư có gói thầu được xác định độ “Tối Mật” trở lên được chỉ định thầu để bảo vệ bí mật các chương trình, dự án đó (*khoản 2 Điều 23*);

+ Việc đầu tư những chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt cần phải tiến hành khẩn trương để đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ. Do đó, Luật năm 2024 yêu cầu thực hiện theo trình tự, thủ tục đầu tư công khẩn cấp nhằm rút ngắn thời gian và phù hợp với đặc thù của các dự án nêu trên (*khoản 3 Điều 23*);

+ Quy định cho phép đàm phán, ký kết hợp đồng đối với dự án đầu tư tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh trong bước phê duyệt chủ trương đầu tư để có cơ sở lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư do theo quy định hiện nay việc triển khai các dự án này gặp nhiều khó khăn vì thông tin phụ thuộc vào đối tác nước ngoài và khó tiếp cận để phục vụ xây dựng Báo cáo tiền khả thi (*khoản 4 Điều 23*);

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với những dự án nhóm A liên quan đến vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt có tính đặc thù, theo chiến lược trang bị của lực lượng vũ trang, là những thông tin “Tối mật” và có độ phức tạp cao về kỹ thuật - công nghệ. Do đó, để hiểu rõ và đánh giá thẩm định chính xác, cần có quy định giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định (*khoản 5 Điều 23*);

+ Sửa đổi tiêu chí phân loại dự án nhóm A tại Luật Đầu tư công, theo đó dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ, thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không phải là dự án nhóm A không phân biệt tổng mức đầu tư để đảm bảo tránh làm kéo dài thủ tục, tháo gỡ các khó khăn trong thực hiện (*khoản 4 Điều 84*).

2.4. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng (Mục 4)

Mục 4 Chương II Luật năm 2024 quy định cụ thể về phát triển công nghệ lưỡng dụng; lĩnh vực tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh đối với cơ sở huy động; điều kiện, hình thức tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của cơ sở huy động; quyền và nghĩa vụ của cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh; quyền và nghĩa vụ của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt tham gia sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh.

2.5. Tổ chức và hoạt động công nghiệp quốc phòng (Mục 5)

Để thể chế Nghị quyết số 08-NQ/TW, theo đó cần “*tổ chức lại các cơ sở CNQP nông cốt, tiến tới thành lập tổ hợp CNQP bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại*”, mục 5 Chương II Luật năm 2024 quy định cụ thể về hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng (*bao gồm 04 thành phần: Cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, Cơ sở công nghiệp quốc phòng khác, Cơ sở huy động tham gia công nghiệp quốc phòng, Cơ sở công nghiệp động viên*); tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở công nghiệp quốc phòng khác; hoạt động của cơ sở công nghiệp động viên.

2.6. Tổ chức và hoạt động công nghiệp an ninh (Mục 6)

Mục 6 Chương II Luật năm 2024 quy định về hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh (*bao gồm 03 thành phần: Cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt, Cơ sở công nghiệp an ninh khác, Cơ sở huy động tham gia hoạt động công nghiệp an ninh*); tiêu chí, loại hình cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; hoạt động của cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của cơ sở công nghiệp an ninh khác.

2.7. Tổ hợp công nghiệp quốc phòng (Mục 7)

Đây là nội dung mới nhằm thể chế hóa đầy đủ tinh thần của Nghị quyết số 08-NQ/TW, theo đó tổ hợp công nghiệp quốc phòng được quy định tại Mục 7 Chương II với 04 điều (từ Điều 42 đến Điều 45). Tổ hợp công nghiệp quốc phòng không hình thành pháp nhân, không phải là tập đoàn mà được xác định là hệ thống liên kết, hợp tác của cơ sở công nghiệp quốc phòng, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện nhất định, lấy cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt đủ điều kiện làm hạt nhân để hình thành chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm quốc phòng theo nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật. Luật chỉ quy định theo hướng xác định khung, nguyên tắc về các nội dung: (1) Chức năng, nhiệm vụ, thành phần của Tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (2) Hạt nhân Tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (3) Thành phần khác của Tổ hợp công nghiệp quốc phòng; (4) Chính sách của Nhà nước đối với Tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Động viên công nghiệp (Chương III)

Động viên công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc huy động tiềm lực công nghiệp quốc gia để bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, nhất là khi chiến tranh xảy ra. Do vậy, cần có phương thức tiếp cận mới trong động viên công nghiệp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Chương III quy định về chuẩn bị động viên công nghiệp, thực hành động viên công nghiệp, ngân sách bảo đảm và dự trữ vật tư cho động viên công nghiệp. Trong đó, có nhiều chính sách nổi bật như: Mở rộng đối tượng tham gia động

viên công nghiệp là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp lớn, có công nghệ hiện đại, sản xuất ổn định đóng vai trò chủ đạo; đồng thời, huy động doanh nghiệp vừa, nhỏ để sản xuất đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang (*khoản 2 Điều 2, khoản 7 Điều 5*); xây dựng cơ chế, phương thức triển khai thực hiện động viên công nghiệp là nhiệm vụ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh quản lý tiềm lực của nền công nghiệp quốc gia để khi cần thì thực hiện động viên công nghiệp rộng khắp và thực hiện ngay trong thời bình (*Điều 46, Điều 47*) (*như xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phân cấp cho các quân khu và địa phương*);...

4. Chế độ, chính sách trong động viên công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Chương IV)

4.1. Về chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh, cơ sở công nghiệp động viên; chế độ, chính sách đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt, cơ sở công nghiệp động viên (Mục 1, Mục 2)

Mục 1, 2 Chương IV Luật năm 2024 quy định chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh bao gồm: (1) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (2) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng, cơ sở công nghiệp an ninh khác; (3) Chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (4) Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (5) Chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; (6) Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

Trong đó, các chính sách cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là doanh nghiệp (*khoản 1 Điều 61*): (1) Được chủ động mua sắm vật tư và chuẩn bị các yếu tố bảo đảm, tổ chức nghiên cứu, sản xuất bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm; (2) Được trích khấu hao, trích hao mòn theo chế độ đặc thù; (3) Được Nhà nước hỗ trợ mức đóng chênh lệch bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong trường hợp kết quả sản xuất, kinh doanh không bảo đảm đủ mức lương và các khoản phụ cấp.

Chế độ chính sách cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt không phải là doanh nghiệp (*khoản 2 Điều 61*):

(1) Được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (2) Được sử dụng kinh phí chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp khác để thuê chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư; (3) Được ưu tiên bố trí ngân sách để xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, chế tạo trong lĩnh vực vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi.

Các cơ sở công nghiệp quốc phòng nông công, cơ sở công nghiệp an ninh nông công khi nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt ngoài được hưởng các chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông công, cơ sở công nghiệp an ninh nông công thông thường còn được hưởng thêm các chính sách đặc thù sau (*Điều 63*): (1) Được bù đắp từ nguồn lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp, được phân bổ 05 năm kể từ thời điểm có quyết định kết thúc đề án, chương trình, dự án và quyết toán chi phí cho các nhiệm vụ không thành công; (2) Được không áp dụng tiêu chí bảo toàn, phát triển vốn đối với phần vốn đầu tư cho các nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; (3) Được bảo lãnh thanh toán đặc biệt; (4) Được đảm bảo nguồn tài chính theo kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

Người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông công, cơ sở công nghiệp an ninh nông công là doanh nghiệp (*khoản 1 Điều 65*) được hưởng chính sách đặc thù sau: (1) Được bảo đảm đủ lương theo chức vụ, chức danh, cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp đặc thù trong trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không bảo đảm; (2) Được xem xét, giải quyết chính sách thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh được xem xét công nhận là liệt sỹ; (3) Được hưởng quyền tác giả, bảo hộ quyền tác giả đối với sản phẩm từ hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; (4) Được hỗ trợ về lương và phụ cấp đặc thù khi thực hiện nhiệm vụ ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

Người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông công, cơ sở công nghiệp an ninh nông công không phải là doanh nghiệp (*khoản 2 Điều 65*) được hưởng lương, phụ cấp đặc thù từ ngân sách nhà nước và các khoản thu nhập khác từ nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực,...

Các chế độ chính sách đặc thù cho chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh (*Điều 66*) như: (1) Được đàm phán và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông công, cơ sở công

ng nghiệp an ninh nông cốt; (2) Được Nhà nước bảo đảm nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ; (3) Được ưu tiên bố trí nhà ở công vụ; được hỗ trợ phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (4) Trường hợp có nguyện vọng phục vụ lâu dài thì được xem xét tuyển dụng giữ chức vụ của sĩ quan và ưu tiên phong cấp bậc quân hàm sĩ quan; (5) Được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân; (6) Trường hợp là người nước ngoài thì được xem xét rút ngắn quy trình thủ tục thẩm định cấp giấy phép lao động.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (*Điều 67*) như: (1) Trong thời gian trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp, người lao động được doanh nghiệp chi trả lương theo quy định và phụ cấp đặc thù theo định mức như đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt; Nhà nước có chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (2) Người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết trong thời gian diễn tập và thực hành động viên công nghiệp, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; (3) Người bị thương, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật; (4) Người trực tiếp điều khiển phương tiện phục vụ di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp được hưởng chế độ như người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết trong thời gian diễn tập và thực hành động viên công nghiệp; người bị thương, chết khi thực hiện nhiệm vụ.

4.2. Về cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh (Mục 3)

Hoạt động khoa học và công nghệ trước đây được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ cao, Luật Đầu thầu. Trong thực tiễn, các quy định này có bất cập khi áp dụng cho nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mới vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Theo quy định hiện hành, để triển khai từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm sản phẩm phải trải qua nhiều bước rời rạc làm cho thời gian triển khai kéo dài, phải mất 08 đến 10 năm mới đưa sản phẩm nghiên cứu vào trang bị; kết quả đề tài áp dụng vào thực tế chưa nhiều; cơ chế mua sắm vật tư đặc chủng trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật Đầu thầu khó thực hiện; thủ tục thanh toán đề tài phức tạp, mất nhiều thời gian, công sức; chưa có quy định giảm rủi ro khi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để các nhà khoa học có thể an tâm dám nghĩ, dám làm do những sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược,

phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt phải thử nghiệm rất nhiều lần, thậm chí hàng trăm lần mới có thể thành công....

Do đó, mục 3 Chương IV Luật năm 2024 đã có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo hành lang pháp lý giải quyết những bất cập, tạo đột phá, đẩy nhanh quá trình từ nghiên cứu đến đưa sản phẩm vào trang bị; tập trung trên các mặt (*Điều 68*): (1) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được tự chủ tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao như: Mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, vật tư, bán thành phẩm phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và nước ngoài; lựa chọn hình thức, đối tác hợp tác; được lựa chọn áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng (2) Tổ chức, cá nhân được miễn trách nhiệm dân sự khi thực hiện nhiệm vụ được giao do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Được phân chia một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, chế tạo, phát triển các sản phẩm mới; (4) Cá nhân được trả thù lao theo hình thức khoán công việc được giao.

Chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ có ý nghĩa chiến lược được hưởng chính sách (*khoản 2 Điều 69*) như: (1) Được bảo đảm toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác; (2) Được ứng trước kinh phí hoặc huy động kinh phí từ nguồn hợp pháp để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và sản xuất thử nghiệm sản phẩm theo yêu cầu tính năng chiến thuật, kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt; (3) Được áp dụng cơ chế đặc biệt để triển khai thực hiện mua tài liệu thiết kế, bí quyết công nghệ, sản phẩm mẫu, vật tư đặc chủng, thuê chuyên gia nước ngoài; (4) Được dự toán kinh phí dự phòng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, chế tạo.

5. Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh (Chương V)

Trong những năm qua, hợp tác và thương mại quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm; được đẩy mạnh theo hướng phát triển sâu rộng cả về phạm vi và mức độ hợp tác, góp phần từng bước đưa công nghiệp quốc phòng Việt Nam hội nhập thế giới, trong đó có những nội dung mang tính đột phá, đóng góp hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, nâng cao tiềm lực quốc phòng và sức mạnh của quân đội. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung này mới chỉ ở các nghị định và

thông tư. Nhằm thể chế hoá Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 26/01/2022, Luật năm 2024 đã quy định 01 chương (Chương V) về hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh với các chính sách nổi bật như sau:

- Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của công nghiệp quốc phòng, an ninh (*khoản 2, 3 Điều 72*);

- Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực công nghệ cao (*khoản 3 Điều 71*);

- Sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng; được ưu tiên thông quan theo pháp luật về hải quan; chỉ nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh mà công nghiệp quốc phòng, an ninh trong nước chưa sản xuất được; ưu tiên nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh trực tiếp từ nhà sản xuất hoặc đối tác có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực... (*Điều 73*);

- Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được ưu tiên thông quan theo quy định của pháp luật về hải quan; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định việc xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh ... (*Điều 74*);

- Cơ sở công nghiệp quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở công nghiệp an ninh do Bộ Công an quản lý tiếp nhận chuyển giao công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (*khoản 4 Điều 75*). Ngoài ra, Luật đã quy định cụ thể về: Nội dung hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ; các sản phẩm và công nghệ được ưu tiên hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ (*khoản 1, 2 Điều 75*);

- Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định tham gia trưng bày sản phẩm quốc phòng, an ninh tại triển lãm quốc phòng, an ninh quốc tế; tiếp xúc, trao đổi, giới thiệu sản phẩm quốc phòng, an ninh (*khoản 4 Điều 76*).

6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Chương VI)

6.1. Quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Điều 77)

Điều 77 Luật năm 2024 quy định nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, bao gồm: (i) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (ii) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng; quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh; kế hoạch động viên công nghiệp; kế hoạch bảo đảm nguồn lực cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (iii) Tổ chức, sắp xếp hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt; xây dựng mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên; (iv) Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (v) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (vi) Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về công nghiệp quốc phòng, an ninh; (vii) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (viii) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

6.2. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ, cơ quan ngang Bộ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Luật năm 2024 đã quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 78), Bộ Công an (Điều 79), Bộ Khoa học và Công nghệ (Điều 80); Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 81); Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 82); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (Điều 83).

7. Điều khoản thi hành (Chương VII)

7.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 84)

Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Điều 84 Luật năm 2024 đã quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan: (i) Bổ sung quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh vào Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia; (ii) Sửa đổi tiêu chí phân loại dự án nhóm A tại Luật Đầu tư công, theo đó dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ, thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không phải là dự án nhóm A không phân biệt tổng mức đầu tư; (iii) Sửa đổi quy định về nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án, theo đó sẽ tập trung bố trí vốn

đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

7.2. Quy định chuyển tiếp (Điều 86)

Điều 86 Luật năm 2024 quy định các nội dung chuyển tiếp như sau:

- Các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư, mua sắm vật tư sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh có nội dung được xác định bí mật nhà nước độ Tối mật trở lên theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước để triển khai nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày 01/7/2025 chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì thực hiện phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu. Việc chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt đang triển khai thực hiện đến ngày 01/7/2025 nếu chưa nghiệm thu thì được áp dụng quy định tại các điểm b, đ và g khoản 2 Điều 69 của Luật, cụ thể:

+ Ban Chủ nhiệm chương trình, đề án, dự án được quyết định điều chỉnh nội dung nghiên cứu, phương án thực hiện nhiệm vụ và nghiệm thu chuyển sang giai đoạn tiếp theo để bảo đảm được mục tiêu đề ra.

+ Được áp dụng cơ chế đặc biệt để triển khai thực hiện mua tài liệu thiết kế, bí quyết công nghệ, sản phẩm mẫu, vật tư đặc chủng, thuê chuyên gia nước ngoài.

+ Được hỗ trợ tìm kiếm và giải mã công nghệ mới, công nghệ cao./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, UBKTTU, VP TU;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

